

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K1
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HC-ST

Ngày: 15-9-2022

*V/v yêu cầu hủy quyết
định hành chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K1, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Biên và ông Nguyễn Chí Dựng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long-Thư ký viên Tòa án nhân dân thị xã K1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K1 tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K1, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-HC ngày 20 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa:

- *Người khởi kiện:* Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn L1, xã L, thị xã K1, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Vũ Văn K, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 65 QT, phường A1, thị xã K1, tỉnh Hải Dương (*Theo văn bản ủy quyền lập ngày 12/6/2022*). Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, thị xã K1. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Đỗ Thị C hiện đang quản lý, sử dụng 2 thửa đất liền nhau là thửa số 171, diện tích 44m² gồm: Đất ao và đất nuôi trồng thủy sản và thửa số 172, diện tích 131m² gồm: Đất ở nông thôn và đất vườn thừa hợp pháp, thuộc tờ bản đồ số 16; địa chỉ: Thôn L1, xã L, thị xã K1, tỉnh Hải Dương đã được UBND thị xã K1 cấp trong cùng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 353901 ngày 29/5/2015, đứng tên bà Đỗ Thị C. Vị trí tứ cận thửa đất của bà C cụ thể như sau: Thửa 171 có tứ cận như sau: Cận phía tây giáp nhà ông Ngô Doãn T2; cận phía đông giáp ngõ đi 2,0m; phía bắc giáp tỉnh lộ 389; phía nam giáp thửa đất 172; Thửa 172 có tứ cận như

sau: Phía tây giáp ngõ đi rộng 2,6m (hiện gia đình ông B1 đang sử dụng). Phía đông giáp ngõ đi rộng 2,0m. Phía Bắc một phần giáp thửa đất 172, một phần giáp đất nhà ông Ngô Doãn T2. Phía Nam giáp đất nhà cụ Trịnh Thị M1.

Nguồn gốc các thửa đất này do bà C mua của anh Ninh Văn Q, sinh năm 1981, địa chỉ: L1, xã L, thị xã K1, tỉnh Hải Dương từ năm 2014. Khi đó Thửa đất 171 thì có lối đi ra tỉnh lộ 389, còn thửa đất số 172 chưa có lối đi. Do đất nhà bà C cao hơn đường tỉnh lộ 389 khoảng gần 1m nên việc đi lại rất khó khăn. Bà C có nhu cầu mở lối đi ra ngõ 2.6m từ thửa đất 172 nhưng khi đó gia đình nhà ông B1 đã xây bức tường dài khoảng 10m từ trong đất hợp pháp nhà ông B1 ra giáp tỉnh lộ 389 và xây cổng, chặn phần lối đi nhà bà C ra ngõ đi này. Bà C đã có đơn khiếu nại đến UBND xã L. Quá trình giải quyết UBND xã L trả lời, xác định ngõ đi 2,6m là đất do UBND xã quản lý và gia đình ông B1 đã tự nguyện phá dỡ cổng, bức tường để trả lại ngõ đi chung. Nhưng ngay sau đó, không rõ ai lại tiếp tục xây bức tường chặn không cho gia đình bà C mở lối đi ra ngõ. Bà C đã nhiều lần làm đơn khiếu nại, khởi kiện nhưng chưa được UBND xã L giải quyết dứt điểm.

Theo nội dung phán quyết tại Bản án số 01 ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã K1 bà C có đơn đề nghị gửi đến UBND xã L. Tại Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 Chủ tịch UBND xã L xác định không có ai xây bức tường nên UBND xã không phải tháo dỡ. Không đồng ý với Thông báo nêu trên, ngày 13/3/2022 bà Đỗ Thị C nộp đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án: Hủy bỏ Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND xã L. Buộc UBND xã L giải quyết theo đơn đề nghị đề ngày 25/3/2020 theo quy định của pháp luật. Buộc Chủ tịch UBND xã L phải xin lỗi công khai bà C.

Tại lời khai, biên bản đối thoại, người bị kiện-Chủ tịch UBND xã L trình bày:

Bà Đỗ Thị C hiện đang quản lý, sử dụng 2 thửa đất liền nhau là thửa 171 và thửa 172, thuộc tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Thôn L1, xã L, thị xã K1, tỉnh Hải Dương đã được UBND thị xã K1 cấp trong cùng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí tứ cận thửa đất của bà C cụ thể như sau: Thửa 171 có: Cạnh phía tây giáp nhà ông Ngô Doãn T2; cạnh phía đông giáp ngõ đi 2,0m; phía bắc giáp tỉnh lộ 389; phía nam giáp thửa đất 172; Thửa 172: Phía tây giáp ngõ đi có bề rộng 2,6m, chiều dài khoảng 28m hiện gia đình ông B1 đang sử dụng; phía đông giáp ngõ đi có bề rộng 2,0m; cạnh phía Bắc một phần giáp thửa đất 172, một phần giáp đất nhà ông Ngô Doãn T2; phía Nam giáp đất nhà cụ Trịnh Thị M1. Thửa đất hiện tại mà bà C đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc trước đây là của vợ chồng cụ Trịnh Thị M1 và Ngô Doãn P1. Sau khi hai cụ chết thì các con thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Sau đó một trong các con của cụ M1, cụ P1 có chuyển nhượng lại thửa đất 171, 172 cho anh Ninh Văn Q. Khi thỏa thuận phân chia đất, thì các con của cụ M1, cụ P1 có thỏa thuận để một phần đất di sản làm ngõ đi rộng 2m phía bên phải thửa 171, 172 để làm lối đi cho thửa đất phía bên

trong. Sau đó anh Ninh Văn Q có chuyển nhượng lại thửa đất 171, 172 cho bà Đỗ Thị C. Bà Đỗ Thị C đã quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay. Tại thời điểm chuyển nhượng thì các thửa đất 171, 172 không có nhà đất. Sau khi mua đất thì bà C xây nhà kéo dài trên thửa đất 171 và 172 và mở quán bán hàng đi ra đường 389. Sau này bà C xây dựng công trình phụ phía sau và định mở lối đi ra ngõ 2.6m thì xảy ra tranh chấp với hộ ông Trần Văn B1, vợ là Lý Thị Sơn. Phần Ngõ đi 2.6m mà gia đình ông B1 đang sử dụng có trước năm 1991, gia đình cụ Trịnh Thị M1 (Cụ M1 là vợ cụ P1, 2 cụ đều đã mất cách đây nhiều năm) đã cho một phần đất để ông Trần Văn B1 và ông Phạm Văn Trường làm ngõ đi. Khoảng năm 1994, sau khi đo đạc bản đồ, ngõ đi là đất giao thông do UBND xã quản lý. Hiện ngõ đi này chỉ một mình nhà ông B1 sử dụng. Sau khi được cho đất làm ngõ đi, ông B1 xây dựng móng kè và xây bức tường trên ngõ đi giáp thửa đất 172 vào năm 1992, dài khoảng 28m, cao hơn 1m. Khi xây dựng trên thửa 172, bà C mở lối đi ra ngõ 2,6m, giữa bà C và ông B1 không thỏa thuận được mức đóng góp công sức tôn tạo ngõ đi nên ông B1 chưa cho bà C sử dụng ngõ đi này. Từ đó, nhiều lần bà C gửi đơn đề nghị các cơ quan giải quyết về tranh chấp lối đi với nhà ông B1. UBND xã đã nhiều lần động viên thuyết phục và đến năm 2018 ông B1 đã tự nguyện tháo dỡ bức tường giáp cạnh thửa đất 172 của nhà bà C. Tuy nhiên, hiện vẫn còn chân tường cũ, cao khoảng 30cm và có phần vật liệu xếp lên chân tường cao khoảng hơn 30cm.

Ngày 27/3/2020, bà Đỗ Thị C gửi đơn đề ngày 25/3/2020, theo đó bà C đề nghị xử lý một số đối tượng lạ mặt xây tường trái phép chặn cửa ra vào nhà trên thửa đất số 172 và đề nghị Chủ tịch UBND xã dỡ bỏ bức tường nêu trên. Sau khi nhận đơn, do dịch bệnh Covid 19, nên ngày 05/5/2020, Chủ tịch UBND xã đã chuyển đơn đề Công an xã điều tra ai là người xây dựng bức tường. Theo báo cáo số 01/BC-CAX ngày 03/6/2020, Trưởng Công an xã báo cáo đã điều tra, xác minh, tại địa điểm bà C nêu trong đơn không có bức tường nào xây dựng như bà C viết trong đơn. Do Công an xã đã làm việc và thông báo trực tiếp kết quả điều tra, xác minh nội dung phản ánh của bà C, bà C đã nắm được nội dung. Do đó, UBND xã không thông báo lại cho bà C. Chấp hành bản án có hiệu lực của Tòa án, Chủ tịch UBND xã L đã thông báo lại cho bà C được biết. Quan điểm của Chủ tịch UBND xã L đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2022, thể hiện: Ngõ đi từ đường 389 vào phần đất hộ gia đình ông Trần Văn B1 có chiều dài 28m, chỗ rộng nhất 2,7m. Ngõ đi này giáp với thửa đất số 172 của bà Đỗ Thị Tranh. Trên đường ranh giới giữa ngõ đi và phần đất của bà C có chân tường xây bằng đá, gạch pavanh và gạch chỉ. Tiến hành đo kích thước chân tường đá, gạch pavanh dài 8m, chỗ rộng nhất 28cm, tại vị trí phần đất của bà C mở cổng ra ngõ 2.6m thì chiều cao của chân tường là 45cm. Theo địa phương xác định chân tường này do gia đình ông B1 xây dựng khoảng trước năm 1993. Tiến hành đo kích thước

chân tường gạch chỉ dài khoảng 3m, chỗ cao nhất (07 hàng gạch) 48cm, chỗ thấp nhất (04 hàng gạch) cao 32cm, rộng 11cm. Theo địa phương xác định toàn bộ hệ thống chân tường do gia đình ông B1 xây dựng.

Tại phiên tòa:

- Người khởi kiện trình bày: Sau khi gia đình ông B1 phá dỡ bức tường, di dời cổng vào phần đất hợp pháp của gia đình để trả lại ngõ đi 2,6m thì ngay sau đó có một số đối tượng tiếp tục xây bức tường bằng gạch pavanh, gạch chỉ chặn lối đi từ thửa đất 172 của gia đình bà C ra ngõ đi chung; sau khi được HĐXX giải thích quy định về đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết của Tòa án, người khởi kiện rút yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND xã L phải công khai xin lỗi. Bà C yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND xã L và buộc UBND xã L giải quyết theo đơn đề nghị đề ngày 25/3/2020 theo quy định của pháp luật.

- Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C. Hủy Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND xã L. Do Thông báo số 55 bị hủy nên Chủ tịch UBND xã L phải tiếp tục giải quyết Đơn đề nghị ngày 25/3/2020 của bà C theo quy định của pháp luật; về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên buộc Chủ tịch UBND xã L phải chịu án phí hành chính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, HĐXX xử xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2]. *Về đối tượng, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện:* Bà Đỗ Thị C khởi kiện cho rằng ngày 25/3/2020 bà làm đơn gửi UBND xã L về việc có một số người tổ chức xây dựng tường kiên cố dài khoảng 10m, cao khoảng 0,7m trên đường đi chung xóm 3, thôn L1, xã L, chiều dài liền kề với chỗ ở của gia đình bà. Bức tường chắn toàn bộ “cửa ra vào” nhà ở, cản trở gây bất lợi cho gia đình bà. Ngày 23/9/2021, Chủ tịch UBND xã L chấp hành bản án số 01/HC-ST ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã K1 giải quyết đơn đề nghị của bà bằng Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 với nội dung không có bức tường nào được xây

dựng, không có ai xây bức tường như trong đơn đề nghị của bà C, UBND xã L không phải tháo dỡ. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, bà Đỗ Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã K1: Hủy Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND xã L vì đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích, hợp pháp của gia đình bà và buộc Chủ tịch UBND xã L phải công khai xin lỗi.

Căn cứ các điều 30, 31 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đối tượng khởi kiện là Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 chứa nội dung quyết định hành chính trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định pháp luật; đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND xã L phải công khai xin lỗi không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, đây là tranh chấp dân sự quy định tại Điều 34 Bộ luật Dân sự. Sau khi được giải thích, người khởi kiện đã tự nguyện rút yêu cầu này, căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính, HĐXX đình chỉ xét xử yêu cầu buộc Chủ tịch UBND xã L phải công khai xin lỗi.

[3]. *Xét Về hình thức và nội dung của Thông báo*: Đây là Thông báo trả lời đơn của Chủ tịch UBND xã L có đầy đủ nội dung của một Quyết định hành chính và bà Đỗ Thị C cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tổ tụng hành chính, HĐXX xác định đây là Thông báo chứa nội dung quyết định hành chính.

[4]. Về nội dung: Bà Đỗ Thị C hiện đang quản lý, sử dụng 2 thửa đất liền nhau là thửa đất số 171 và thửa đất số 172 tại thôn L1, xã L, thị xã K1. Theo GCNQSD đất đã được UBND huyện K1 cấp ngày 29/5/2015 cho bà Đỗ Thị C thì thửa đất 171 có diện tích 44m², mục đích là đất nuôi trồng thủy sản (8,5m²) và đất ao thửa hợp pháp (35,5m²), thửa đất số 172 diện tích 131m² là đất ở nông thôn, có cạnh phía Tây giáp ngõ đi rộng 2,6m, chiều dài khoảng 28m. Ngày 25/3/2020 bà Đỗ Thị C làm đơn đề nghị gửi UBND xã L, thị xã K1 về việc có một số người tổ chức xây dựng tường kiên cố dài khoảng 10m, cao khoảng 0,7m trên ngõ 2,6m liền kề với thửa đất 172 và chắn lối đi ra vào của gia đình bà. Trên cơ sở điều tra, xác minh theo nội dung bà C nêu trong đơn, ngày 23/9/2021, Chủ tịch UBND xã L ban hành Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 với nội dung không có bức tường nào được xây dựng, không có ai xây bức tường như trong đơn đề nghị của bà C nên UBND xã L không phải tháo dỡ.

Quá trình xác minh, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với ngõ đi chung rộng 2,6m thể hiện: Ngõ đi từ đường 389B vào phần đất hộ gia đình ông Trần Văn B1 có chiều dài 28m, chỗ rộng nhất 2,7m. Ngõ đi này giáp với thửa đất số 172 của bà Đỗ Thị Tranh. Trên đường ranh giới giữa ngõ đi vào

phần đất của bà C có chân tường xây bằng đá, gạch pavanh dài 8m, chỗ rộng nhất 28cm, tại vị trí phần đất của bà C mở cổng ra ngõ đi thì chiều cao của chân tường là 45cm và gạch chỉ; chân tường gạch chỉ dài khoảng 3m, chỗ cao nhất (07 hàng gạch) 48cm, chỗ thấp nhất (04 hàng gạch) cao 32cm, rộng 11cm. Quan điểm UBND xã L xác định chân tường xây bằng đá, gạch pavanh do gia đình ông B1 xây dựng khoảng trước năm 1993, chân tường gạch chỉ do gia đình ông B1 xây dựng. Tuy nhiên, theo nội dung Thông báo số 17/TB-UBND ngày 12/02/2018 của UBND xã L về việc giải quyết đơn đề nghị của công dân xác định: “Ngày 25/01/2018, ông Trần Văn B1 đã có đơn đề nghị tự nguyện tháo dỡ công trình xây dựng trên đất giao thông do UBND xã quản lý. Đến nay, gia đình ông Trần Văn B1 đã tháo dỡ xong toàn bộ công trình gồm: Di dời cánh cổng vào phía trong, tháo dỡ trụ cổng, phần bờ tường giáp ranh với thửa đất 172 do bà C là chủ sở hữu hoàn trả lại diện tích lối đi cho UBND xã quản lý”. Quá trình thẩm định tại chỗ cũng xác định phần chân tường (chỗ cao nhất 48cm) được xây dựng bằng nhiều vật liệu gồm: đá, gạch pavanh và gạch chỉ và xây dựng vào các khoảng thời gian khác nhau. Như vậy, mặc dù tại thời điểm Tòa án tiến hành xem xét thẩm định thì trên ngõ đi không có bức tường như mô tả trong đơn của bà C nhưng việc bà C xác định có người xây dựng tường là có căn cứ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 122143 của UBND huyện K1 đã cấp cho vợ chồng ông Trần Văn B1, bà Lý Thị Sơn vào ngày 10/5/2003 thì không thể hiện ngõ đi 2,6m trong phần diện tích đất hợp pháp của gia đình ông B1; tại các Thông báo số 16/TB-UBND ngày 30/9/2014, Thông báo số 35/TB-CT ngày 21/7/2017 và Thông báo số 17/TB-UBND ngày 12/02/2018 thì UBND xã L đều xác định ngõ đi 2,6m này là đất giao thông do UBND xã quản lý. Nội dung này cũng phù hợp với phần nhận định tại Bản án số 01/2022/HC-PT ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương “Qua xác minh, Phòng tài nguyên và môi trường thị xã xác định từ năm 1994 ngõ đi 2,6m là đất giao thông”, các đương sự cũng đều thừa nhận ngõ đi 2,6m là đất giao thông. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở xác định ngõ đi rộng 2,6m từ tỉnh lộ 389 vào thửa đất của gia đình ông Trần Văn B1, có phần tiếp giáp với thửa đất 172 của bà Đỗ Thị C là đất giao thông (lối đi chung) nên hành vi xây tường trên phần đất thuộc lối đi chung được xác định là hành vi chiếm đất theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính, theo thẩm quyền của mình Chủ tịch UBND xã L phải tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND xã L lại ban hành Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 với nội dung không có bức tường nào được xây dựng, không có ai xây bức tường như trong đơn đề nghị của bà

C nên UBND xã L không phải tháo dỡ là không xử lý triệt để vấn đề, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị C. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C, hủy Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND xã L. Do Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 bị hủy nên Chủ tịch UBND xã L sẽ tiếp tục giải quyết Đơn đề nghị đề ngày 25/3/2020 của bà Đỗ Thị C theo qui định của Luật tiếp công dân.

[5]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện là Chủ tịch UBND xã L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 điều 116, điểm c khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 208 Luật đất đai; khoản 2 Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C.

Hủy Thông báo số 55/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND xã L, thị xã K1.

Kiến nghị: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, thị xã K1 tiếp tục giải quyết Đơn đề nghị đề ngày 25/3/2020 của bà Đỗ Thị C theo qui định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND xã L, thị xã K1 phải công khai xin lỗi bà Đỗ Thị C.

3. Về án phí: Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, thị xã K1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại bà Đỗ Thị C 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0001305 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K1.

4. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị kiện (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã K1;
- Chi cục THADS thị xã K1;
- Lưu VP;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đức Huân